

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HS-PT

Ngày: 17/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1032/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Giáp Ngọc N, Chu Đức C phạm tội "Che giấu tội phạm" do có kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Giáp Ngọc N, sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn Chung C, xã Việt N, huyện Tân Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Giáp Văn M; họ tên mẹ: Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 18/2/2020, bị Công an huyện Hiệp H, tỉnh B xử phạt vi phạm hành C về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị bắt giam từ ngày: 25/4/2020 đến 30/6/2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. Chu Đức C, sinh ngày: 05/5/2003; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn Ngọc N, xã Hoàng T, huyện Hiệp H, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Chu Văn Đ; họ tên mẹ: Triệu Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến 29/4/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Chu Đức C: Ông Chu Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Triệu Thị H, sinh năm 1984; nơi ở: Thôn Ngọc N, xã Hoàng Th, huyện Hiệp H, tỉnh B; ông Đ và bà H vắng mặt.

Ông Chu Văn Đ uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn Q theo Giấy uỷ quyền ngày 16/3/2021; ông Q có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Chu Đức C: Luật sư Nguyễn Quang T - Văn phòng luật sư Đặng Văn S và công sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn bị cáo Trần Hữu T không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu T (sinh năm 1991; trú tại tổ 33, khu 5, phường Trung V, thành phố U, tỉnh Q) là đối tượng đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U, tỉnh Q truy nã về tội “Cố ý gây thương tích”. Quá trình bỏ trốn khỏi địa phương Trung lần trốn ở nhiều nơi trên địa bàn các tỉnh B, P, V và B. Sáng ngày 20/4/2020, Trung chuyển đến căn hộ mới thuê tại P707 CT3 Chung cư Cát Tường Eco ở phường V, thành phố B, tỉnh B để ở cùng bạn gái là Trịnh Thị P. Thời gian này, do làm ăn thua lỗ và vay tiền của người khác để đánh bạc trên mạng Internet qua ứng dụng “Gamevip” nên Trần Hữu T nảy sinh ý định đi cướp tiền tại Ngân hàng để trả nợ.

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 20/4/2020, T mang theo 01 chiếc cặp kiểu đựng laptop bằng vải màu đen bên trong có 01 khẩu súng ngắn loại K59, trong súng có 06 viên đạn; 01 hộp tiếp đạn phụ có khoảng 06 viên và 01 viên đạn rời, điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đen BKS 29L1-469.22 đi từ Chung cư Cát tường Eco ở phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh B đến huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến chi nhánh Ngân hàng Techcombank ở tổ 7, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội thì thấy vị trí thuận lợi nên đã quyết định vào thực hiện hành vi cướp tài sản. Để tránh bị phát hiện, T đi đến đoạn đường cách Ngân hàng khoảng 03km rồi dừng lại tháo BKS 29L1-469.22 và lắp BKS 11B1 - 214.47 vào xe máy. Đến khoảng 15 giờ 10 phút, T quay lại dựng xe máy ở vỉa hè trước cửa Ngân hàng Techcombank chi nhánh Sóc Sơn rồi đi bộ vào quầy giao dịch số 3 gặp chị Vũ Ngọc Q (là giao dịch viên) hỏi: “*Rút 900.000.000 đồng thì có phải đợi lâu không?*”. Chị Q yêu cầu T ra lấy số thứ tự nên T quay ra lấy số thứ tự 2030 và ngồi ở hàng ghế chờ dành cho khách hàng. Khi đến lượt giao dịch, T đi đến quầy giao dịch số 4 gặp chị Nguyễn Thị H (là giao dịch viên) đề nghị rút số tiền 900.000.000 đồng. Chị H yêu cầu xuất trình chứng minh thư nhân dân thì T nói quên rồi đi ra ngoài lấy xe máy đi lòng vòng.

Một lúc sau, T quay lại gửi xe rồi đi thẳng đến quầy giao dịch số 2, tay phải rút từ trong túi xách đang đeo bên người ra 01 khẩu súng K59 chĩa nòng súng về phía chị Nguyễn Hải Y (là giao dịch viên) đang ngồi ở quầy giao dịch

số 2 và chị Vũ Ngọc Q đang ngồi ở quầy giao dịch số 3, yêu cầu chị Y và chị Q đưa hết tiền cho T. Thời điểm đó, tại quầy giao dịch của chị Y có 2.247.665.000 đồng, quầy giao dịch của chị Q có 2.367.000.000 đồng. Lúc này, trong Ngân hàng có 07 nhân viên và 17 khách hàng đang ngồi chờ giao dịch, thấy T cầm súng nên các khách hàng bỏ chạy ra ngoài, còn chị Y cúi xuống gầm bàn. T đi sang quầy số 3 nhắm vào phía bên trái chị Q hướng súng xuống đất bắn 01 phát để đe dọa. Thấy vậy, chị Đào Thị Thu A (là nhân viên của Ngân hàng) đang ngồi ở quầy giao dịch số 6 bấm chuông báo động. Thấy có báo động, T quay người bỏ chạy thì bị anh Trịnh Văn B (là bảo vệ của Ngân hàng) cầm đèn pin vụt 01 phát trúng phần gáy làm T loạng choạng nhưng không ngã. Sau đó, T lên xe máy bỏ chạy theo hướng Quốc lộ 3 đi hướng tỉnh Thái Nguyên; khi đi được một đoạn, T thấy có người hô hoán, đuổi theo nên đã dùng tay trái cầm súng vòng qua vai phải hướng chếch lên trên bắn 01 phát để đe dọa, ngăn chặn việc truy đuổi. Cùng lúc này, có anh Đoàn Tiến T và anh Hồ Trọng N (đều là cán bộ Công an phường Hàng G, quận H, Hà Nội) đang trên đường làm nhiệm vụ thấy mọi người hô hoán nên đã điều khiển xe ô tô truy đuổi theo T đến cầu Đông Xuyên thuộc địa bàn xã Châu M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B nhưng không kịp.

T điều khiển xe máy chạy về hướng huyện Hiệp Hòa, tỉnh B; khi gần đến khu công nghiệp Hòa Phú thuộc huyện Hiệp Hòa, T dừng xe gọi điện thoại cho bạn là Giáp Ngọc N (sinh năm 1993; trú tại thôn Chung C, xã Việt N, huyện Tân Y, tỉnh B) bảo N tìm một người nữa cùng đi đến phía sau khu công nghiệp Hòa Phú có việc gấp. Sau khi nhận điện thoại của T, N đã gọi điện rủ Chu Đức C (sinh ngày 05/5/2003; trú tại thôn Ngọc N, xã Hoàng T, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B) đi cùng và lấy xe máy hiệu Honda Dream không đeo biển kiểm soát (xe do N mượn của anh Nguyễn Tuấn U) cùng C đến khu công nghiệp Hòa Phú gặp T. Trong khi chờ N và C đến, T tháo BKS 11B1-214.47 ra và lắp BKS 29L1-469.22 rồi cho quần áo, khẩu trang, kính, găng tay vào trong chiếc cặp đen và ném xuống cống thoát nước phía sau khu công nghiệp. Khi gặp N và C, T nói cho cả hai biết về việc vừa đi cướp tiền tại Ngân hàng Techcombank ở Sóc Sơn nhưng không được. Sau đó, N đưa cho C 50.000 đồng bảo đi mua thuốc lá, nước uống; khi C đi thì T và N nhảy xuống nắp dưới cống không có nước; T kể lại cho N biết về toàn bộ diễn biến việc cướp tiền tại Ngân hàng và trên đường bỏ chạy. Một lúc sau, C quay lại thì thấy T và N đi xe đến gần miệng cống đã mở sẵn sát tường Nhà máy, đối diện bên này đường, cách vị trí ban đầu khoảng 50 mét về phía bên trái. C tiến lại gần miệng cống xem thì thấy T nhặt lên một chiếc cặp vải màu đen, dạng cặp đựng Laptop; T mở cặp vải lấy 01 hộp tiếp đạn cho vào chiếc túi da màu đen mà T đang đeo trước bụng; T mở chiếc cặp da ra, C thấy bên trong có 01 khẩu súng ngắn màu đen bị tróc sơn và một số khẩu trang y tế. T ném chiếc cặp vải và 01 chiếc chìa khóa xe máy xuống cống, rồi mượn điện thoại của N gọi cho người quen là Nguyễn Xuân T (tức T “Sứ”, sinh năm 1985; trú tại tổ 23, khu 4, phường Trung V, thành phố U, tỉnh Q) xin ở nhờ vài ngày. T bảo C mang xe máy Sirius của T về nhà cất giấu nên C đi về đến cửa hàng mua bán xe cũ của Nguyễn Tuấn U (sinh năm 1995; ở xã Việt N, huyện Tân Y, tỉnh B) thì gọi điện cho Vũ Văn M (sinh năm 2003, trú tại thôn Tân A,

xã Việt N, huyện Tân Y, tỉnh B) đến quán nhờ M đi cùng C về nhà cất xe rồi chở C quay lại Thị trấn T lấy xe của C gửi ở đó. Sợ mọi người biết nên C nói dối là xe người khác cầm cố cho C với giá 3.000.000 đồng. Còn N đi xe máy nhãn hiệu Honda Dream không đeo biển kiểm soát chở T từ khu công nghiệp Hòa Phú sang thị trấn N, huyện Việt Y, tỉnh B để T thuê xe taxi lên nhà trọ của T “Sút” và “Voọc” (hiện chưa xác định được nhân thân) tại thôn Đa Hến, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để lẩn trốn. Khi đi qua khu vực hồ Đại Lải, T ném chiếc điện thoại hiệu Iphone màu đỏ của T xuống mép hồ, ném 01 hộp tiếp đạn phụ (bên trong có khoảng 06 viên đạn) ra giữa hồ. Đi khoảng 100m, T tiếp tục ném khẩu súng (trong hộp tiếp đạn có 04 viên đạn) xuống mép hồ. Đến nhà T và Voọc, T đã kể cho T và Voọc về việc T vừa đi cướp ngân hàng. Trưa ngày 21/4/2020, “Voọc” chở T ra chỗ vứt súng để T nhặt lại. T lau sạch khẩu súng, quần giẻ rồi đưa cho “Voọc” nhờ cất giấu. Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, T thuê xe taxi từ cổng khu công nghiệp Bình Xuyên đến ở chơi nhà người quen là Trịnh Văn T (sinh năm 1975; trú tại số nhà 9/82/152, Chợ H, phường Dư Hàng K, quận C, thành phố Hải Phòng). Đến sáng ngày 25/4/2020, T thuê xe taxi đi đến khu vực bãi cát gần cổng chào tỉnh Q lang thang đến khoảng 01 giờ ngày 26/4/2020, T đến Công an thị xã Đông Triều đầu thú.

Ngày 25/4/2020, Giáp Ngọc N và Chu Đức C bị Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp về hành vi Che giấu tội phạm. Tại Cơ quan điều tra, Trần Hữu T cùng Giáp Ngọc N và Chu Đức C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Giáp Ngọc N và Chu Đức C phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Giáp Ngọc N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2020 đến ngày 30/6/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Chu Đức C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2020 đến 29/4/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trần Hữu T; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Chu Đức C là ông Chu Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan cho bị cáo C.

Ngày 09/10/2020, bị cáo Giáp Ngọc N kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại Giấy uỷ quyền ngày 16/3/2021, ông Chu Văn Đ thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị cho bị cáo Chu Đức C được hưởng án treo.

Bị cáo Giáp Ngọc N có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động C trong gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử cáo Giáp Ngọc N và bị cáo Chu Đức C về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 389 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo Chu Đức C phạm tội khi chưa thành niên nên đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với bị cáo Giáp Ngọc N đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Chu Đức C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bị cáo C phạm tội thụ động, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân không có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn bố mẹ ly hôn từ khi bị cáo còn bé, bị cáo ở với bố và hiện nay bố bị cáo đang phải điều trị bệnh tâm thần. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo với mức hình phạt thấp hơn mức án sơ thẩm hoặc cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Giáp Ngọc N, bị cáo Chu Đức C đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo N, C phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Hữu T có đủ cơ sở xác định: Chiều ngày 20/4/2020, khi biết bị cáo Trần Hữu T có hành vi dùng súng, vũ khí quân dụng nhằm chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Sóc Sơn. Bị cáo Giáp Ngọc N và Chu Đức C đã che giấu bị cáo Trần Hữu T. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo N và bị cáo C về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giáp Ngọc N: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân xấu bị xử phạt hành C về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội do trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó

khẩn nên chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của ông Chu Văn Đ là bố của bị cáo Chu Đức C: Bị cáo C phạm tội thụ động, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân không có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Giáp Ngọc N, Chu Đức C không phải chịu phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giáp Ngọc N và bị cáo Chu Đức C. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo N và bị cáo C.

Tuyên bố bị cáo Giáp Ngọc N và Chu Đức C phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Giáp Ngọc N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2020 đến ngày 30/6/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 90; Điều 91 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Chu Đức C 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2020 đến 29/4/2020.

Về án phí: Các bị cáo Giáp Ngọc N, Chu Đức C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình